

Số: 2808/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 31 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin, ngày 29/6/2006;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 394/QĐ-UBND ngày 18/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long về việc ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền điện tử/Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1104/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long về việc ban hành “Kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021 - 2025”;

Căn cứ Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực Chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày

16/11/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Vĩnh Long đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2568/QĐ-BTTTT ngày 29/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về Ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 3.0, hướng tới Chính phủ số;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 141/TTr-STTTT ngày 16/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, hướng dẫn và phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện theo nội dung Kế hoạch này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Doanh nghiệp VT-CNTT;
- Ngân hàng VN, chi nhánh VL;
- Các cơ quan báo chí;
- Các phòng, ban, TT thuộc VP.UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, 18.VHXX.

CHỦ TỊCH

Vĩnh Long, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số năm 2025
(Kèm theo Quyết định số 2808/QĐ-UBND ngày 31/12/2024
của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long)

Phần I
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2024

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2024

1. Nhận thức số

1.1. Ngày Chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được

Tỉnh đã ban hành Kế hoạch tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia 10.10 năm 2024; Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện triển khai thông điệp Ngày Chuyển đổi số quốc gia trên Cổng/Trang thông tin điện tử với chủ đề “Phổ cập hạ tầng số và sáng tạo ứng dụng số để phát triển kinh tế số - Động lực mới cho tăng trưởng kinh tế và năng suất lao động”; Phát động và khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức (CCVC), Tổ công nghệ số cộng đồng và người lao động hưởng ứng trên không gian mạng bằng cách thay ảnh đại diện có kèm khung hình nhận diện (avatar frame); Các doanh nghiệp viễn thông tích cực triển khai tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá, có chính sách khuyến mãi cho khách hàng sử dụng các sản phẩm, nền tảng số phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số góp phần tạo hiệu ứng lan tỏa, truyền thông mạnh mẽ trong toàn tỉnh.

b) Tồn tại, hạn chế: không có.

2.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được

- Tổ chức hội thảo "Hạn chế lộ lọt thông tin và phòng chống lừa đảo trực tuyến" và tổng kết kết quả diễn tập thực chiến an toàn, an ninh mạng năm 2024 của cụm thành viên Mạng lưới ứng cứu sự cố số 9 với hơn 200 đại biểu tham dự.

- Tổ chức 02 hội thi trực tuyến: hội thi “Tìm hiểu về Cải cách hành chính và Chuyển đổi số”¹ với số lượt tham dự 3.885 thí sinh; hội thi “Tìm hiểu kiến thức về phòng, chống thiên tai và biến đổi khí hậu năm 2024”² với số lượt tham dự 2.266 CCVC, giáo viên, học sinh tham dự.

¹ Kế hoạch số 63/KH-STTTT, ngày 09/8/2024

² Kế hoạch phối hợp số 77/KHPH-STTTT-BCHPCTT&TKCN ngày 15/10/2024

b) *Tồn tại, hạn chế:* không có.

1.3. Truyền thông về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được

- Công tác tuyên truyền về chuyển đổi số được các cơ quan, đơn vị, quan tâm thực hiện:

+ Trang chuyển đổi số của tỉnh (chuyendoiso.vinhlong.gov.vn), Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Cổng/trang thông tin điện tử của một số cơ quan, đơn vị có xây dựng chuyên mục chuyển đổi số hoặc liên kết đến chuyên trang chuyển đổi số của tỉnh. Cổng thông tin điện tử của tỉnh đăng tải 1.401 tin, bài, trong đó có 105 tin bài về tuyên truyền về công tác chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh; Trang Zalo Official Chính quyền số Vĩnh Long đã đăng tải 274 tin, bài; Trang Fanpage Facebook Chuyển đổi số Vĩnh Long đăng tải 249 tin, bài.

+ Báo điện tử Vĩnh Long đăng tải hơn 140 tin, bài, 90; Đài Phát thanh và Truyền hình Vĩnh Long đã phát 90 tin, 34 bài trên sóng phát thanh và 65 tin, 15 bài trên sóng truyền hình. Chương trình Chuyển đổi số thời lượng 15 phút, mỗi tháng phát 02 kỳ; mục Chuyển đổi số trên trang chủ của trang thông tin điện tử của Đài với 23 tin, bài về chuyển đổi số.

+ Hệ thống thông tin nguồn được triển khai sử dụng đến cấp huyện, xã, trong đó có tính năng chuyển đổi nội dung văn bản sang giọng nói; chuyển ngữ nội dung phát thanh tiếng Việt sang tiếng các dân tộc thiểu số và đã kết nối với Hệ thống thông tin nguồn Trung ương. Hiện nay, toàn tỉnh đã lắp đặt được 1.117 cụm loa ứng dụng CNTT-VT (Tổng số cụm loa truyền thanh ứng dụng CNTT-VT kết nối Hệ thống nguồn tỉnh là 488 thiết bị; Tổng số bản tin phát là: 3.475 bản tin).

+ Về Đề án 06: tổ chức tuyên truyền 133 cuộc qua các tin thời sự, tin bài, cổng thông tin điện tử; phát 9.127 tờ rơi tuyên truyền Đề án 06, hướng dẫn kích hoạt tài khoản định danh điện tử VNeID; trên loa phát thanh xã, phường, thị trấn 975 lượt; phát hình hơn 100 giờ tuyên truyền Đề án 06 trên các màn hình Led; qua họp dân ở ấp, khóm, khu dân cư, Zalo, Facebook,... với tổng số 23.045 lượt (cấp huyện: 4.321 lượt; cấp xã: 8.921 lượt; ở khóm, ấp: 9.803 lượt). Qua đó, nhằm giúp người dân hiểu rõ hơn về tiện ích của Đề án 06 cũng như trong việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến; đồng thời, tổ chức tuyên truyền về Luật Căn cước; 10 điểm mới của Luật Căn cước; cuộc thi tìm hiểu pháp luật về Luật Căn cước, định danh và xác thực điện tử; tiện ích tài khoản định danh điện tử trên trang Zalo OA; Fanpage: ANTV Vĩnh Long, tuổi trẻ Công an Vĩnh Long, Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH, Công an huyện Trà Ôn, ANTT Vũng Liêm được 53 lượt, khoảng 48.495 lượt xem, 636 lượt chia sẻ; trên loa phát thanh 975 lượt³.

b) *Tồn tại, hạn chế:* không có.

³ BC số 526/BC-UBND ngày 14/11/2024 của UBND tỉnh

2. Thể chế số

a) Xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách về chuyển đổi số

Tiếp tục triển khai Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 về Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 16/11/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Vĩnh Long đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh đã ban hành 44 văn bản chỉ đạo về chuyển đổi số (*Đính kèm Phụ lục 1 – Danh mục văn bản về chuyển đổi số năm 2024*).

b) Hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh

Kiện toàn Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số với 40 thành viên, Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh; kiện toàn Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh gồm 19 thành viên⁴. Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2024⁵.

3. Hạ tầng số

a) Kết quả đạt được

- Mạng lưới bưu chính, chuyển phát đảm bảo hoạt động ổn định, thông suốt và được mở rộng vùng phục vụ đến tận xã, ấp; các doanh nghiệp bưu chính, hợp tác với các sàn thương mại điện tử lớn để chuyển phát hàng, bưu phẩm gửi cho khách hàng mua, bán qua mạng thuận tiện và nhanh chóng. Hiện trên địa bàn tỉnh có 13 Chi nhánh, Văn phòng đại diện các doanh nghiệp bưu chính với 236 điểm phục vụ bưu chính (32 bưu cục, 83 điểm bưu điện văn hóa xã và 121 điểm phục vụ khác). Sản lượng dịch vụ thư cơ bản trong nước đạt 403.149 thư (tăng 2,1 % so với năm 2023). Dịch vụ gói, kiện hàng hoá đạt 9.230.284 kiện (tăng 48,5 % so với cùng kỳ năm 2023). Tổng doanh thu năm 2024 của các đơn vị cung ứng dịch vụ bưu chính đạt 227,3 tỷ đồng (tăng 50,5 % so với năm 2023).

- Hạ tầng viễn thông băng rộng cố định đáp ứng 100% nhu cầu cung cấp dịch vụ đến các xã, phường, thị trấn toàn tỉnh; tổng số thuê bao Internet toàn tỉnh là 264.561 thuê bao; đạt tỉ lệ 25,6 thuê bao/100 dân; thuê bao cáp quang hộ gia đình là 235.500 thuê bao, tỉ lệ 79,48% (tăng 8,05% so với năm 2023); tốc độ tải xuống tối thiểu từ 50 Mbps trở lên, đảm bảo nhu cầu cung cấp và sử dụng dịch vụ cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong phạm vi toàn tỉnh⁶.

- Hạ tầng viễn thông di động có 05 nhà mạng cung cấp dịch vụ thông tin di động: Viettel Vĩnh Long, MobiFone chi nhánh Vĩnh Long, Viễn thông Vĩnh Long (Vinaphone), Vietnamobile và Gtelecom; trong đó Gtelecom không cung cấp dịch vụ băng rộng di động 3G/4G (chỉ có 2G); toàn tỉnh có 1.324 vị trí cột ăng ten; có 3.101 trạm BTS các loại (2G/868; 3G/842; 4G/1.362; 5G/29); tổng thuê bao di động đạt 1.1189.287 thuê bao; trong đó thuê bao băng rộng di động

⁴ QĐ số 2153/QĐ-UBND, ngày 25/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh

⁵ QĐ số 04/QĐ-BCĐ, ngày 10/4/2024 của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh

⁶ 335/BC-STTTT; 336/BC-STTTT

đạt 960.220 thuê bao; tỉ lệ thuê bao băng rộng di động bình quân 92,85 thuê bao/100 dân.

- Triển khai Kế hoạch⁷ thu hồi, sắp xếp, chỉnh trang hệ thống cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, các đơn vị đã thực hiện hoàn thành 50 tuyến.

- Mạng truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh kết nối 100% cơ quan hành chính cấp tỉnh, huyện, xã hoạt động ổn định, thông suốt; 100% sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã có xây dựng hệ thống mạng LAN phục vụ hoạt động ứng dụng CNTT, chuyển đổi số; tỷ lệ máy tính kết nối Internet đạt 100% (trừ máy tính soạn thảo văn bản mật).

- Tỉnh có 02 Hệ thống hội nghị truyền hình (01 hệ thống của Tỉnh ủy, 01 hệ thống của UBND tỉnh) phục vụ cho cơ quan Đảng, nhà nước họp trực tuyến trong tỉnh và họp trực tuyến với Chính phủ, bộ ngành Trung ương.

- Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh⁸ được đầu tư, nâng cấp đảm bảo phục vụ vận hành hệ thống ứng dụng dùng chung của tỉnh, phục vụ xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số và các ứng dụng chuyên ngành. Trung tâm được thiết kế theo mô hình khu vực dùng chung và khu vực dùng riêng để các máy chủ các sở, ban ngành và địa phương. Đang vận hành 195 hệ thống thông tin thành phần: Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP); hệ thống thư điện tử tỉnh; CSDL chuyên ngành; hệ thống quản lý dữ liệu lưu trữ lịch sử; hệ thống quản lý đất đai; hệ thống quản lý người có công; hệ thống quản lý CBCCVN; hệ thống sàn giao dịch TMĐT; hệ thống quản lý giấy phép lái xe; hệ thống quản lý biên lai; hệ thống quản lý ngân sách đầu tư; hệ thống quản lý tiền lương; hệ thống xét duyệt và thẩm định quyết toán ngân sách;....

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện điều chuyển hạ tầng dùng chung từ phòng máy chủ - Văn phòng UBND tỉnh sang Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Vĩnh Long⁹.

4. Dữ liệu số

a) Kết quả đạt được

- Ban hành danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung¹⁰ và Danh mục dữ liệu mở tỉnh. Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) được triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu với nền tảng NDXP của quốc gia. Cổng Dữ liệu mở của tỉnh (<https://opendata.vinhlong.gov.vn>) đã được đưa vào triển khai vận hành, cập nhật 56 cơ sở dữ liệu mở của 14 lĩnh vực¹¹.

- Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính: có 18/27 cơ quan, đơn vị đã thực hiện quét (scan) kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực và lưu

⁷ Kế hoạch số 43/KH-STTTT ngày 13/5/2023 của Sở Thông tin và Truyền thông về thu hồi, sắp xếp, chỉnh trang hệ thống cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long năm 2024.

⁸ Do Sở Thông tin và Truyền thông quản lý và vận hành

⁹ QĐ số 2148/QĐ-UBND, ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh

¹⁰ QĐ số 4559/QĐ-UBND, ngày 31/12/2021; QĐ số 1122/QĐ-UBND, ngày 09/6/2022

¹¹ Báo cáo số 91/BC-VPUBND ngày 16/10/2024 của Văn phòng UBND tỉnh

file trên máy tính đạt tỷ lệ 100% (183.063/183.063); 09/27 cơ quan, đơn vị, địa phương đạt tỷ lệ trung bình chung là: 77,38% (749.646/968.773); trong đó 02 cơ quan (Sở Tài chính đạt tỷ lệ 84,38%; Sở Tài nguyên & Môi trường đạt tỷ lệ 98,88%); 07 đơn vị cấp huyện (bao gồm kết quả của cấp xã) đạt trung bình 60,51% (328.061/542.140); trong đó có 02 huyện đạt tỷ lệ dưới 50% (huyện Mang Thít đạt tỷ lệ 37,43%; huyện Long Hồ đạt tỷ lệ 37,55%)¹².

- Đề án 06 tiếp nhận làm CCCD cho 1.323.965 trường hợp công dân đủ điều kiện, giao trả 1.323.909/1.323.909 thẻ CCCD cho công dân, đạt 100%; thu nhận 829.701 hồ sơ cấp tài khoản định danh điện tử, đã kích hoạt 636.055/525.938 hồ sơ.

- Các ngành triển khai sử dụng hiệu quả các phần mềm: hệ thống quản lý đất đai (VILIS 2.0); hệ thống quản lý người có công; hệ thống quản lý CBCCVC, CSDL thi đua – khen thưởng; hệ thống quản lý giấy phép lái xe; hệ thống quản lý biên lai; hệ thống quản lý ngân sách đầu tư; hệ thống quản lý tiền lương; hệ thống quản lý nhà trường SMAS,...

- Triển khai thí điểm Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh¹³, trong đó triển khai cung cấp khả năng tổng hợp, tích hợp dữ liệu từ nhiều nguồn, chuẩn hoá dữ liệu, lưu trữ; phân tích, xử lý dữ liệu theo nhu cầu, thống kê, báo cáo; giúp lãnh đạo các cấp có khả năng giám sát, điều hành, hỗ trợ chỉ huy; mang đến hiệu quả, cơ hội phát triển các ngành, lĩnh vực và kinh tế - xã hội. Hiện tại, đang thu thập dữ liệu các cơ quan, đơn vị từ cấp tỉnh đến cấp xã trong khoảng thời gian 5 năm (2020-2024).

b) Tồn tại, hạn chế

- Một số dữ liệu dùng chung chưa được quản lý và triển khai tập trung tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh, khó khăn trong giám sát, điều phối kết nối chia sẻ dữ liệu trong và ngoài tỉnh.

- Một số đơn vị chưa quan tâm triển khai dữ liệu chuyên ngành phục vụ tạo lập dữ liệu dùng chung và hình thành kho dữ liệu dùng chung, chuyên ngành; đồng thời tránh triển khai dàn trải, nhỏ lẻ riêng từng hệ thống.

5. Nền tảng số

a) Kết quả đạt được

Triển khai một số nền tảng số gồm: Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) kết nối, chia sẻ dữ liệu với nền tảng NDXP của quốc gia; Nền tảng học kỹ năng trực tuyến mở (MOOCS); Nền tảng Trung tâm giám sát điều hành ATTT mạng (SOC); Nền tảng hóa đơn điện tử; Nền tảng thiết bị IoT, Nền tảng điện toán đám mây, Hỗ trợ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa; quản lý tiêm chủng; hồ sơ sức khỏe điện tử và quản lý trạm y tế xã; nền tảng hệ thống HIS, nền tảng hệ thống quản lý thông tin xét nghiệm (LIS), ...

¹² BC số 415/BC-SNV ngày 05/7/2024 của Sở Nội vụ

¹³ CV số 4990/UBND-VX ngày 06/8/2024 của UBND tỉnh

b) Tồn tại, hạn chế

Một số ứng dụng của các đơn vị chưa thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu qua Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP),... dẫn đến chưa thống nhất mô hình triển khai kết nối chia sẻ dữ liệu theo Nghị định số 47/2020/NĐ-CP và Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh.

6. Nhân lực số

a) Kết quả đạt được

- Có 149 công chức chuyên trách, phụ trách CNTT của tỉnh; 96,7% cán bộ chuyên trách CNTT của các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện có trình độ đại học CNTT trở lên; Đội ứng cứu sự cố ATTT mạng tỉnh được kiện toàn với 36 thành viên¹⁴; thành lập 100% Tổ công nghệ số cộng đồng đến ấp, khóm với 107 tổ xã (687 người), 752 tổ ấp (2.786 người).

- Tổ chức 82 cuộc bồi dưỡng, tập huấn bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến với 11.352 lượt tham dự của CCVC Sở ban ngành, UBND cấp huyện, cán bộ phụ trách CNTT xã, phường, thị trấn; Thành viên Đội ứng cứu sự cố ATTT mạng của tỉnh; Tiểu ban An toàn, an ninh mạng và lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng; cán bộ kỹ thuật vận hành Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh; các cơ sở giáo dục, đào tạo; thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng; người lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở kinh doanh...

- Các trường Cao đẳng, Đại học trên địa bàn tỉnh tổ chức tập huấn triển khai chương trình dạy và học về kỹ năng số; có 02 trường Cao đẳng, Đại học triển khai đào tạo về thương mại điện tử gồm Cao đẳng nghề Vĩnh Long và Đại học Kinh tế TP.HCM – Phân hiệu Vĩnh Long.

b) Tồn tại, hạn chế

- UBND các xã, phường, thị trấn không có công chức chuyên trách CNTT tham mưu đơn vị tổ chức triển khai chuyển đổi số.

- Một số viên chức chuyên trách CNTT, ATTT xin chuyển công tác, chưa ổn định về nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số.

7. An toàn thông tin mạng

a) Kết quả đạt được

- Tổ chức diễn tập thực chiến ATTT với vai trò Cụm trưởng Cụm mạng lưới ứng cứu số 9 (12 tỉnh, thành phố là Cần Thơ, Kiên Giang, An Giang, Bạc Liêu, Bến Tre, Cà Mau, Đồng Tháp, Hậu Giang, Sóc Trăng, Tiền Giang, Trà Vinh và Vĩnh Long) với chủ đề “Phòng, chống tấn công mạng vào các hệ thống thông tin trọng yếu” với hơn 150 đại biểu tham gia¹⁵ với 30 đội tấn công, 02 đội chuyên gia và 03 đội phòng thủ, diễn tập trong 6 ngày từ ngày 01/11/2024 đến

¹⁴ QĐ số 1143/QĐ-UBND ngày 16/5/2023 của UBND tỉnh.

¹⁵ KH số 93/KH-UBND, ngày 10/10/2024 của UBND tỉnh; KH số 79/KH-STTTT, ngày 18/10/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông. Hình thức: trực tiếp và trực tuyến từ các Đội (phòng thủ, Khai thác lỗ hổng (tấn công) và chuyên gia). Thời gian từ ngày 01/11/2024 đến ngày 06/11/2024 trên 03 hệ thống của 3 tỉnh Vĩnh Long, An Giang và Đồng Tháp thu hút

ngày 06/11/2024 các đơn vị tấn công hệ thống từ xa với 03 hệ thống (*Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu tỉnh Vĩnh Long, Cổng dữ liệu mở tỉnh An Giang, Trang Thông tin điện tử Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Đồng Tháp*). Kết quả¹⁶:

+ Đội phòng thủ: Sở TTTT Vĩnh Long hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Sở TTTT An Giang và Đồng Tháp hoàn thành tốt nhiệm vụ;

+ Đội khai thác lỗ hổng: Giải nhất: Sở TTTT Vĩnh Long, Giải nhì: Sở TTTT Bến Tre, Giải ba: Đài Phát thanh và Truyền hình Vĩnh Long, Giải khuyến khích: 14 giải (các sở TTTT khu vực và 4 đội của tỉnh Vĩnh Long)

+ Đội chuyên gia: tặng giấy khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Bên cạnh đó, tham gia Diễn tập thực chiến an toàn, an ninh thông tin thành phố Cần Thơ năm 2024¹⁷.

- 100% các xã, phường, thị trấn được trang bị thiết bị tường lửa bảo vệ hệ thống mạng nội bộ.

- Có 387/416 hệ thống thông tin đã được phê duyệt cấp độ, trong đó 165 hệ thống thông tin cấp độ 1, 42 hệ thống thông tin cấp độ 2 và 180 hệ thống thông tin cấp độ 3.

- Hệ thống giám sát ATTT mạng (SOC) tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh đã kết nối chia sẻ thông tin với Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018. Kết quả giám sát: Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 20/11/2024, Hệ thống thư điện tử đã phát hiện và ngăn chặn 305.754 sự kiện (spam mail, thăm dò mật khẩu,...), Hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng (SOC) đã phát hiện và ngăn chặn: 1.480 sự kiện, có 3.236 máy tính đã được triển khai giải pháp phòng chống mã độc tập trung và chia sẻ dữ liệu mã độc về Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh, ghi nhận có 1.832 máy tính được phần mềm phòng chống mã độc loại bỏ mã độc trước khi xâm nhập vào máy tính, 2.403 máy tính kết nối nguy hiểm.

- 133 hệ thống cổng/trang thông tin điện tử được chuyển đổi từ IPv4 sang IPv6; hệ thống cổng/trang thông tin điện tử của 18 sở ngành, 107 UBND cấp xã đã khai báo và được chứng nhận tín nhiệm mạng do Cục ATTT cung cấp.

- Tổ chức thực hiện Kế hoạch kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ quy định về đảm bảo ATTT mạng, các hệ thống thông tin theo cấp độ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long năm 2024¹⁸. Thường xuyên phối hợp với Công an tỉnh, và các đơn vị liên quan đánh giá “Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP)”; Kiểm tra, rà quét điểm yếu, lỗ hổng bảo mật hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

b) Tồn tại, hạn chế

- Một số cơ quan, đơn vị còn chậm trễ trong phối hợp xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ ATTT trình thẩm định, phê duyệt cấp độ; chưa triển khai đầy đủ các

¹⁶ Báo cáo số 351/BC-STTTT ngày 22/11/2024 của Sở TTTT

¹⁷ Cv số 1715/STTTT-VP ngày 10/9/2024 của Sở TTTT

¹⁸ QĐ số 1920/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

phương án bảo đảm ATTT; chưa chủ động báo cáo định kỳ về công tác bảo đảm ATTT theo quy định.

- Mặc dù số lượng máy tính của cơ quan nhà nước cấp tỉnh, huyện, xã được cài đặt phần mềm phòng chống mã độc và kết nối, chia sẻ thông tin mã độc về Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh có tăng nhưng chưa đạt tỷ lệ 100%; một số đơn vị còn máy tính sử dụng hệ điều hành Windows 7/8/XP không còn hỗ trợ cập nhật, vá lỗi; một số đơn vị có máy tính hỏng hoạt động không ổn định, chưa kết nối Mạng TSLCD tỉnh.

8. Chính quyền số

a) Kết quả đạt được

- 100% cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn có cổng/trang thông tin điện tử; Hệ thống thư điện tử của tỉnh đã cấp phát 11.625 hộp thư; cấp 3.958 chứng thư số cho 100% cơ quan từ cấp tỉnh đến cấp xã.

- Hệ thống thông tin quản lý văn bản và điều hành của tỉnh hoạt động ổn định phục vụ tốt công tác luân chuyển và xử lý văn bản điện tử giữa UBND tỉnh với các sở, ban, ngành tỉnh, các huyện, thị xã và thành phố, các xã, phường, thị trấn trong phạm vi toàn tỉnh với Văn phòng Chính phủ, các bộ ngành Trung ương và các địa phương ngoài tỉnh (kết quả: nhận 18.979 văn bản, gửi 38.498 văn bản qua Trục).

- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC được triển khai tập trung, thống nhất cho 100% cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh; đã kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để phục vụ giải quyết TTHC; đã tích hợp, cung cấp 1.464 dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, đạt tỷ lệ 84%, đứng hạng thứ 5/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 56,7% (theo đánh giá của Cổng Dịch vụ công quốc gia); kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác¹⁹.

- Đảm bảo kết nối thông suốt hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh với hệ thống báo cáo Chính phủ, đảm bảo 100% các chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ; thực hiện gửi, nhận báo cáo giữa UBND tỉnh với các sở, ban, ngành tỉnh, các huyện, thị xã và thành phố trong

¹⁹ Hệ thống đăng ký với bưu điện (VNPost); Hệ thống quản lý Lý lịch Tư pháp; Hệ thống thông tin Quản lý hộ tịch; Hệ thống quản lý đất đai (VILIS); Hệ thống Đăng ký doanh nghiệp; Hệ thống phần mềm đăng ký giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến và cơ sở dữ liệu đối tượng bảo trợ xã hội; Hệ thống Dịch vụ công liên thông Đề án 06/CP; Nền tảng thanh toán trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia; Hệ thống Dịch vụ công lĩnh vực đường bộ trong nước; Hệ thống Dịch vụ công Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua; Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; Dịch vụ công trực tuyến Cấp mã số cho đơn vị có quan hệ ngân sách; Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm, Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử; Cơ sở dữ liệu Thuế và cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai cho doanh nghiệp.

phạm vi toàn tỉnh. Kết quả có 25/30 đơn vị thực hiện gửi, nhận 240 báo cáo trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

- Triển khai vận hành Tổng đài 1022 có tổng cộng 172 kịch bản được xây dựng và cung cấp trên Tổng đài, với 81 nội dung thuộc 13 lĩnh vực. Phần mềm Hợp không giấy đã thực hiện triển khai 141 cuộc với 1.488 tài liệu điện tử trong năm 2024.

b) Tồn tại, hạn chế

Một số nhiệm vụ được giao chưa đạt theo chỉ tiêu đề ra.

9. Kinh tế số

a) Kết quả đạt được

- Cập nhật thông tin giá cả thị trường trên hệ thống Pmard và gửi thông tin giá cả thị trường:

+ Cập nhật 270 thông tin giá cả các mặt hàng (Lúa gạo, thủy sản, chăn nuôi, rau củ quả các loại, trái cây, thức ăn gia súc, phân bón) lên hệ thống khuyến nông thị trường của tỉnh trên trang <https://giaca.nsvl.com.vn>. Nâng tổng số 750 thông tin. Tần suất 03 lần/tuần (Thứ 2, 4, 6).

+ Cập nhật 18 tin nhắn giá trên nhóm Zalo giá cả thị trường Vĩnh Long. Nâng tổng số 41 tin nhắn.

+ Cập nhật 55 thông tin, nâng lũy kế 89 thông tin. Với các nội dung: Tin tức nông sản, diễn biến thị trường, giá cả các mặt hàng nông sản, giao thương, xúc tiến thương mại, khoa học kỹ thuật, nông thôn mới, văn bản pháp luật, mô hình sản xuất, tình hình sản xuất.

- Sàn giao dịch thương mại điện tử ngành Công Thương Vĩnh Long với địa chỉ website là <https://trade.vinhlong.gov.vn>. Đến nay Sàn có 373 doanh nghiệp, hợp tác xã cơ sở trong tỉnh với 1.316 sản phẩm thủ công mỹ nghệ, nông thủy sản,... trong đó tỉ lệ sản phẩm OCOP và sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tham gia Sàn đạt 82,5%. Số lượng hợp tác xã trên Sàn hiện tại là 40²⁰.

- 100% cơ quan xúc tiến thương mại được cấp tài khoản trên Hệ sinh thái xúc tiến thương mại số; Tổ chức Hội chợ, triển lãm trực tuyến sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm OCOP tỉnh Vĩnh Long năm 2024.

- Ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại cho sản phẩm nông sản Vĩnh Long, cụ thể: hỗ trợ đăng tải thông tin trên Sàn giao dịch nông sản điện tử Vĩnh Long (<https://nsvl.com.vn>) 159 sản phẩm OCOP (về nông sản, giống cây trồng, rau củ quả, trái cây, thực phẩm chế biến); Xây dựng Kênh YouTube Nông Sản Vĩnh Long; Nông nghiệp Vĩnh Long đến nay đã upload hơn 230 video về: hướng dẫn kỹ thuật sản xuất nông nghiệp, mô hình sản xuất có hiệu quả,...đến thời điểm hiện tại 02 kênh có trên 1300 người đăng ký²¹.

²⁰ BC số 235/BC-SCT ngày 23/10/2024 của Sở Công Thương

²¹ BC số 405/BC-SNN&PTNT ngày 18/10/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT

- Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa tỉnh Vĩnh Long, bàn giao tài khoản cho 12 cơ quan quản lý; bàn giao tem truy xuất nguồn gốc cho 17 tổ chức, doanh nghiệp²².

- Triển khai ứng dụng eTax Mobile với hệ thống các chức năng, dịch vụ, hỗ trợ dành cho người nộp thuế là cá nhân trên phạm vi toàn quốc²³; Hóa đơn điện tử; Văn bản điện tử (TaxOffice) cho công chức, người nộp thuế.

b) Tồn tại, hạn chế

Việc sử dụng các nền tảng số, các ứng dụng, phần mềm trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh vẫn còn hạn chế, chủ yếu phục vụ quản lý kế toán, thu chi.

10. Xã hội số

a) Kết quả đạt được

- Triển khai hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng để phổ cập kỹ năng số cho người dân thực hiện chuyển đổi số, giúp người dân biết cách sử dụng dịch vụ công trực tuyến; mua, bán các sản phẩm, dịch vụ qua mạng; thanh toán không dùng tiền mặt; sử dụng các dịch vụ số thiết yếu phục vụ cuộc sống; áp dụng các giải pháp an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để tự bảo vệ mình và bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian mạng.

- Tiếp tục triển khai thí điểm Nền tảng số dành cho người dân, doanh nghiệp (Smart Vĩnh Long)²⁴. Đến nay, hệ thống đã tiếp nhận 1.270 ý kiến, các đơn vị đã xử lý 1.258 ý kiến đề phản hồi lại cho người dân.

- Triển khai thanh toán không dùng tiền mặt: có hơn 240 tiểu thương đã đăng ký trở thành điểm chấp nhận thanh toán của Viettel Money, kết nối được với 30 ngân hàng và các ví điện tử, tạo tài khoản Viettel Money. Tổ chức 09 lớp tập huấn kỹ năng bán hàng online tại các huyện, thị xã, thành phố cho các cơ sở, doanh nghiệp và tiểu thương trên địa bàn tỉnh với khoảng 270 lượt tham dự.

- Triển khai thanh toán không dùng tiền mặt đối với thủ tục hành chính “cấp mới giấy phép lái xe” từ ngày 01/7/2024 áp dụng tại tất cả các cơ sở đào tạo, sát hạch lái xe trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long²⁵.

- 15/15 (100%) cơ sở khám chữa bệnh²⁶ triển khai thanh toán viện phí không dùng tiền mặt, khám bệnh, chữa bệnh BHYT bằng căn cước công dân (CCCD) có gắn chip.

- Sổ sức khỏe điện tử đã tích hợp thông tin trên ứng dụng VNeID đối với các trường hợp khám chữa bệnh BHYT; 274 cơ sở triển khai đơn thuốc điện tử.

- Triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu khám sức khỏe phục vụ cấp đổi, cấp giấy phép lái xe trực tuyến: các cơ sở khám chữa bệnh thực liên thông dữ liệu

²² BC số 1303/BC-SKHCN ngày 23/10/2024 của Sở Khoa học và Công nghệ

²³ CT số 17/CT-UBND, ngày 05/10/2022 của UBND tỉnh

²⁴ CV số 7394/UBND-VX ngày 06/11/2024 của UBND tỉnh

²⁵ BC số 573/BC-SGTVT ngày 16/10/2024 của Sở Giao thông vận tải

²⁶ Các Bệnh viện đa khoa, Bệnh viện chuyên khoa, Trung tâm Y tế tuyến huyện trực thuộc Sở Y tế

giấy khám sức khỏe lái xe phục vụ Đề án 06/CP gồm: 10²⁷ cơ sở y tế công lập và 10²⁸ cơ sở Y tế tư nhân.

- Khai báo lưu trú: 15/15 cơ sở khám chữa bệnh công lập đang triển khai khai báo lưu trú trên cổng dịch vụ công của Bộ Công an; đang phối hợp với Công an địa phương để được cấp tài khoản trên hệ thống ASM tiến tới giai đoạn 2 “Khai báo lưu trú tại cơ sở khám chữa bệnh trên hệ thống ASM”.

- Năm học 2023-2024, việc tổ chức thu học phí không dùng tiền mặt đã triển khai đến 376/376 (đạt 100%) cơ sở giáo dục từ mầm non đến phổ thông; tỷ lệ cơ sở giáo dục có phát sinh thu học phí không dùng tiền mặt đạt được trong năm học 2023-2024 là 72%²⁹.

- Khai thác đầy đủ các tính năng của Cơ sở dữ liệu tuyển sinh Giáo dục nghề nghiệp trên website <http://tuyensinh.gdnn.gov.vn> của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp. Có 02/22 cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo của các trình độ giáo dục nghề nghiệp (Trường Cao đẳng Vĩnh Long, Cao đẳng nghề Vĩnh Long) được tích hợp năng lực số, có nội dung đào tạo phù hợp với phương thức chuyển đổi số, chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp chuyên ngành CNTT, công nghệ số; 100% báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê được các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện trên phần mềm Quản lý tuyển sinh, tốt nghiệp, việc làm của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp³⁰.

- Triển khai hệ thống quản lý nhà trường SMAS trong các cơ sở giáo dục theo định hướng của Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia, phù hợp với các quy định của ngành Giáo dục, đáp ứng nhu cầu ứng dụng quản lý của Ngành Giáo dục.

- 100% các cơ sở giáo dục đã được kết nối Internet băng thông rộng để phục vụ công tác quản lý, dạy học, được trang bị máy tính phục vụ công tác quản lý, giảng dạy, học tập, phòng họp trực tuyến, các trường học đều có phương án chủ động bố trí phòng học online phục vụ cho việc dạy học trực tuyến kết hợp với dạy học trực tiếp.

- Triển khai hạ tầng và hệ thống họp trực tuyến để họp, hội nghị và phục vụ công tác dạy - học trong các cơ sở giáo dục. Hệ thống đã đáp ứng tốt yêu cầu hội họp xử lý công tác chuyên môn của ngành thông suốt đến tất cả cơ sở giáo dục trên toàn tỉnh.

- Ứng dụng phần mềm Hệ thống thông tin quản lý Bảo tàng, hệ thống thông tin quản lý di tích của Cục Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) triển khai hệ thống dùng chung của ngành quản lý 23 hồ sơ di tích; quản lý hiện vật, tổng số hồ sơ là: 705 hồ sơ.

²⁷ Bệnh viện đa khoa Vĩnh Long, Trung tâm Giám định Y khoa, 8 Trung tâm y tế tuyến huyện

²⁸ PKĐK Sài Gòn Vạn Lộc, PKĐK Hưng Phú Medic, PKĐK Ánh Thủy, PKĐK Ngọc Nhân, Công ty TNHH PKĐK Lộc An, PKĐK Châu Lê, PKĐK Mekomed - Cửu Long, PKĐK Huy Đạt, PKĐK Sức Khỏe Vĩnh Long, PKĐK Minh Tâm Medical

²⁹ BC số 3400/KH-SGDĐT ngày 04/11/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo

³⁰ BC số 351/BC-SLĐTBXH ngày 16/10/2024 của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

- Đẩy mạnh kết nối liên thông, chia sẻ tài nguyên thông tin của Thư viện tỉnh với hệ thống thư viện trong cả nước: Phối hợp Liên hiệp Thư viện đồng bằng sông Cửu Long xây dựng Bộ sưu tập số hóa Tài liệu địa chí đồng bằng sông Cửu Long (20 tài liệu số hóa). Phối hợp Hội Thư viện Việt Nam xây dựng Mục lục liên hợp Thư mục tài liệu địa chí Việt Nam (1.352 biểu ghi thư mục). Thực hiện số hóa 66 quyển sách, tổng 21.099 trang. Tổng số tài liệu số hóa hiện có là 2.383 tên.

- Ứng dụng phần mềm Tích hợp quản trị Thư viện eMicLib; Số hóa 3D/VR 360 toàn bộ không gian di tích của 4 chùa Khmer tiêu biểu: Chùa Tòa Sen, Chùa Gia Kiết (Mới), chùa Đại Thọ (Ba Phố), chùa Kỳ Sơn; Hỗ trợ các cơ sở kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh tiếp cận và ứng dụng công nghệ số vào quản lý, sản xuất, kinh doanh (ứng dụng app VinhLongTourism)³¹.

b) Tồn tại, hạn chế

Một số người dân ở khu vực nông thôn chưa có điện thoại thông minh; chưa có tài khoản ngân hàng; Đồng thời, còn thiếu kiến thức về bảo mật thông tin và quyền riêng tư; chưa cảnh giác với nhiều mối nguy hại trong môi trường số nguy hại trong môi trường số (như tội phạm công nghệ, lừa đảo trên không gian mạng, bảo mật quyền riêng tư và dữ liệu thông tin cá nhân,...).

II. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kết quả thực hiện và giải ngân Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2024 tỉnh tại Quyết định số 206/QĐ-UBND, ngày 31/01/2024, Công văn số 6133/UBND-VX ngày 19/9/2024³², Công văn số 6855/UBND-VX ngày 16/10/2024³³, Công văn số 7401/UBND-VX ngày 06/11/2024³⁴:

- Tổng kinh phí tỉnh được bố trí là 93.832.477.000 đồng (Vốn đầu tư từ ngân sách của tỉnh: 31.454.000.000 đồng; Vốn sự nghiệp từ ngân sách của tỉnh: 62.378.477.000 đồng).

- Kết quả thực hiện: 20.297.922.000 đồng (Vốn đầu tư từ ngân sách của tỉnh: 231.000.000 đồng; Vốn sự nghiệp từ ngân sách của tỉnh: 20.066.922.000 đồng).

(Đính kèm Chi tiết tại Phụ lục 5)

³¹ BC số 418/BC-SVHTTDL ngày 18/10/2024 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

³² CV số 6133/UBND-VX ngày 19/9/2024 của UBND tỉnh về chấp thuận bổ sung nhiệm vụ vào Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024 cho Thanh tra tỉnh Vĩnh Long

³³ CV số 6855/UBND-VX ngày 16/10/2024 của UBND tỉnh về điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ thực hiện thuộc Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024

³⁴ CV số 7401/UBND-VX ngày 06/11/2024 của UBND tỉnh về chấp thuận bổ sung nhiệm vụ vào Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024 cho Sở Tư pháp

Phần II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

Quyết định số 394/QĐ-UBND ngày 18/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long về việc ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền điện tử/Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 1104/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long về việc ban hành “Kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021 - 2025”;

Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực Chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 16/11/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Vĩnh Long đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

Kế hoạch số 48/KH-UBND, ngày 17/6/2022 của UBND tỉnh về triển khai chiến lược phát triển Thông tin cơ sở đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

Công văn số 3816/BTTTT-CĐSQG ngày 14/9/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện Chuyển đổi số năm 2025.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện kịp thời, thống nhất, hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ của năm 2025 tại Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 16/11/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Vĩnh Long đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 và các nhiệm vụ về chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số và các Bộ, Ngành, Trung ương.

- Tiếp tục chuyển đổi số toàn dân, toàn diện; tập trung xây dựng, nâng cấp cơ sở dữ liệu (CSDL), hệ thống thông tin (HTTT), các nền tảng; đẩy mạnh số hóa, cập nhật thông tin vào các CSDL, nền tảng đã xây dựng; kết nối, chia sẻ dữ liệu dùng chung tạo nền tảng phát triển Chính quyền số bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an

ninh, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cấp chính quyền, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Xác định cụ thể mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, thời gian và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc triển khai thực hiện Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Các sở, ban, ngành; tổ chức chính trị - xã hội; UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp chặt chẽ trong quá trình triển khai thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh; tập trung thực hiện các giải pháp nhằm đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

- Quá trình thực hiện chuyển đổi số bắt buộc phải gắn kết, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp của chuyển đổi số với Đề án 06/CP, xây dựng đô thị thông minh, nông thôn mới và cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh; cải thiện mạnh mẽ Chỉ số chuyển đổi số (DTI) của tỉnh.

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và người dân trong việc thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Tập trung các hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số, các thành viên Ban Chỉ đạo, cơ quan thường trực để tăng cường công tác lãnh đạo, điều hành thực hiện; công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ chuyển đổi số; xây dựng chương trình, kế hoạch công tác phải xác định cụ thể nội dung, thời hạn, yêu cầu kết quả; thời gian, số lượng các phiên họp, hội nghị để chỉ đạo, đánh giá kết quả triển khai, giải quyết các vướng mắc cụ thể; xác định cụ thể chủ đề, vấn đề cần tập trung chỉ đạo, tháo gỡ; nội dung, thời gian, đối tượng kiểm tra, giám sát cụ thể, hiệu quả, thực chất.

- Người đứng đầu cấp ủy, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị mình, xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong lãnh đạo của các cấp ủy đảng, trong toàn bộ hoạt động của cơ quan, tổ chức, người dân và doanh nghiệp nhằm phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân trên địa bàn tỉnh.

- Đánh giá, công bố mức độ chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh.

- Tổng kết công tác chuyển đổi số giai đoạn 2021 - 2025 và triển khai Đề án Chuyển đổi số tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030.

2. Thể chế số

- Tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn thiện và ban hành kịp thời các văn bản nhằm đẩy mạnh phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, ATTT trên địa bàn tỉnh; Triển khai, cụ thể hóa các chủ trương, văn bản quy định, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, hướng dẫn thi hành để xây dựng chính quyền số, đảm bảo an toàn thông tin.

- Nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện các chính sách thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số: Chính sách tỷ lệ chi tối thiểu và hướng dẫn định mức chi cho ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số; chính sách thuê chuyên gia chuyển đổi số; hỗ trợ chuyển đổi số,...

- Triển khai các giải pháp nâng cao chỉ số chuyển đổi số DTI của tỉnh, tập trung vào các lĩnh vực còn yếu (an toàn thông tin, kinh tế số, xã hội số).

3. Hạ tầng số

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 15/11/2023 của UBND tỉnh về phát triển hạ tầng số tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2023-2025. Trong đó tập trung duy trì cơ sở hạ tầng kỹ thuật Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh bảo đảm an toàn thông tin phục vụ chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số. Thực hiện rà soát, đánh giá hiện trạng hạ tầng CNTT làm cơ sở đầu tư, nâng cấp hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật đảm bảo ứng dụng CNTT trong nội bộ các cơ quan Nhà nước: trang thiết bị CNTT; hạ tầng mạng LAN, thiết bị đảm bảo an toàn thông tin; mạng Internet tốc độ cao... đảm bảo các điều kiện cần thiết sẵn sàng thực hiện kết nối, triển khai các ứng dụng CNTT dùng chung của tỉnh, nhằm đáp ứng yêu cầu triển khai chuyển đổi số trong giai đoạn tới.

- Tập trung mở rộng vùng phủ sóng, chất lượng dịch vụ mạng di động 4G, 5G tại các khu vực thành thị, trung tâm thương mại; khu vực tập trung đông dân cư,...

4. Nhân lực số

- Tăng cường đào tạo, tập huấn cập nhật kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, kỹ năng số, kỹ năng ATTT mạng cho Lãnh đạo và lực lượng CBCCVC trong cơ quan hành chính các cấp; thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng tại địa phương nhằm nâng cao công tác quản lý, sử dụng thiết bị, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số trong cơ quan Nhà nước, tuyên truyền chuyển đổi số tại địa phương, hướng dẫn doanh nghiệp và người dân trên địa bàn tỉnh tham gia xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số và xã hội số; đào tạo nguồn nhân lực an ninh mạng năm 2025.

- Triển khai Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “*Kiến tạo tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*”.

- Nghiên cứu các quy định, hướng dẫn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương xây dựng chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho lực lượng chuyên trách CNTT, ATTT mạng thu hút người tài giỏi phục vụ lâu dài.

5. Dữ liệu số

- Triển khai chính thức Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh; cung cấp dữ liệu mở của tỉnh phục vụ phân tích, dự báo hỗ trợ quá trình ra quyết định.

- Vận hành chính thức Nền tảng phục vụ người dân, doanh nghiệp (Smart Vĩnh Long) cho phép người dân truy cập sử dụng các sản phẩm, dịch vụ số của cơ quan nhà nước cung cấp.

- Vận hành chính thức Trung tâm xử lý tin giả tỉnh Vĩnh Long với các chức năng: tiếp nhận, xử lý, công bố kết quả xử lý tin nhắn rác, cuộc gọi rác, thư điện tử rác và tin giả trên không gian mạng.

- Tiếp tục thực hiện kết nối, chia sẻ các ứng dụng, cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành giữa các cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh đảm bảo theo Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh và Nghị định số 47/2020/NĐ-CP. Duy trì và phát triển kết nối, chia sẻ dữ liệu, khai thác thông tin từ các cơ sở dữ liệu quốc gia như: CSDL dân cư, doanh nghiệp, tài chính, bảo hiểm, xây dựng, giao thông vận tải, tài nguyên và môi trường,...

- Đẩy mạnh thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; lưu Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và tái sử dụng dữ liệu số hóa trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; kết nối, chia sẻ dữ liệu dùng chung tạo nền tảng phát triển Chính quyền số.

6. An toàn thông tin mạng

- Tiếp tục tổ chức thực hiện Kế hoạch số 233/KH-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh về đào tạo nguồn nhân lực an ninh mạng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Kế hoạch số 70/KH-UBND ngày 25/9/2023 của UBND tỉnh về thực hiện Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

- Đảm bảo, kết nối thông suốt các Hệ thống thông tin chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh với Chính phủ (Hệ thống thông tin Quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống Cổng thông tin điện tử, Hệ thống thông tin báo cáo, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC,...); đảm bảo duy trì kết nối thông suốt Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ tốt cho công tác giải quyết TTHC theo quy định.

- Duy trì và tăng cường hoạt động bảo đảm ATTT theo mô hình 4 lớp tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh nhằm tăng cường bảo vệ Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP), các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh kết nối an toàn với các cơ sở dữ liệu quốc gia. Vận hành hệ thống giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh, kết nối giám sát các hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh đặt biệt là giám sát 100% hệ thống thông tin cấp độ 3.

- Tổ chức diễn tập ATTT năm 2025 bằng hình thức thực chiến; tham gia diễn tập thực chiến ứng cứu sự cố trong khu vực và trung ương phát động.

- Tiếp tục tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về ATTT mạng trên địa bàn tỉnh; tổ chức đào tạo và phát triển nguồn nhân lực ATTT trên địa bàn tỉnh; chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng”.

7. Chính quyền số

- Tiếp tục triển khai Đề án 06 trên địa bàn tỉnh trong năm 2025.
- Vận hành chính thức Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh Vĩnh Long (IOC) và các phòng điều hành sở, ngành, cấp huyện (OC).
- Duy trì và đẩy mạnh việc sử dụng các ứng dụng, hệ thống đã triển khai cầu tỉnh: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống thư điện tử, Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Hệ thống thông tin báo cáo, Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP),...
- Duy trì việc thực hiện chỉ số chuyển đổi số của tỉnh và của các sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh. Triển khai công tác số hoá hồ sơ; kết nối, khai thác dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung của các cơ quan nhà nước theo Kiến trúc Chính quyền điện tử.
- Tập trung thực hiện tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, bảo đảm cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuận lợi, đơn giản hơn thực hiện trực tiếp trên cơ sở số hóa, tái sử dụng dữ liệu, liên thông điện tử.
- Tiếp tục triển khai thống nhất một ứng dụng dùng chung cho công dân: tham gia ý kiến đóng góp cho hoạt động của các cơ quan, phản ánh những vấn đề xã hội, kết nối các ứng dụng dùng chung các ngành, thanh toán trực tuyến,... trên địa bàn tỉnh.
- Triển khai, ứng dụng Trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ CBCCVN nâng cao hiệu quả và năng suất lao động, ...

8. Kinh tế số

- Tiếp tục triển khai phát triển kinh tế số; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ các doanh nghiệp, hộ gia đình đưa sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP lên sàn thương mại điện tử buudien.vn và các sàn thương mại điện tử khác nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế số.
- Tổ chức triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại năm 2025.
- Hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trong đó chú trọng các chỉ tiêu: số trường học, cơ sở giáo dục thực hiện chuyển đổi số, áp dụng thanh toán không dùng tiền mặt; tỷ lệ số giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục; số bệnh viện, cơ sở y tế thực hiện chuyển đổi số, áp dụng thanh toán không dùng tiền mặt; tỷ lệ số giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt trong các bệnh viện, cơ sở y tế.

9. Xã hội số

- Đẩy mạnh phát triển xã hội số, phổ cập dịch vụ Internet băng thông rộng đến hộ gia đình và phủ sóng di động 4G, 5G; khuyến khích doanh nghiệp triển khai nền tảng thanh toán điện tử, ví điện tử.

- Triển khai chính thức Nền tảng phục vụ người dân, doanh nghiệp (Smart Vĩnh Long) cho phép người dân truy cập sử dụng các sản phẩm, dịch vụ số của cơ quan nhà nước cung cấp; đồng thời tạo kênh tương tác giữa người dân, doanh nghiệp với chính quyền.

- Triển khai hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng để phổ cập kỹ năng số cho người dân thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế - xã hội; Thực hiện việc chi trả An sinh xã hội không dùng tiền mặt theo quy định.

10. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

- Đẩy mạnh công tác truyền thông về vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trong cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân.

- Ban hành Kế hoạch và tổ chức thực hiện các nội dung hoạt động về Ngày Chuyển đổi số năm 2025 trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và điều kiện thực tế của tỉnh bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

- Thường xuyên cập nhật thông tin tại các trang chia sẻ thông tin của Bộ, ngành về Cẩm nang chuyển đổi số tại địa chỉ: <https://dx.mic.gov.vn>; cập nhật, chia sẻ bài học, kinh nghiệm chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương tại địa chỉ: <https://t63.mic.gov.vn>; các bài toán chuyển đổi số: <https://c63.mic.gov.vn>.

- Tiếp tục thực hiện tuyên truyền chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo các cơ quan báo chí tuyên truyền, phổ biến, chia sẻ kinh nghiệm về các nội dung, mô hình chuyển đổi số.

- Tổ chức hội thảo, diễn tập, hội thi tìm hiểu về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, ATTT.

(Đính kèm Phụ lục 2 – Chỉ tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm năm 2025).

IV. GIẢI PHÁP

1. Phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành chuyển đổi số

a) Phát huy vai trò của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị; xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong lãnh đạo đối với toàn bộ hoạt động của cơ quan, đơn vị nhằm phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.

b) Gắn công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số với trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương và công tác đánh giá, xếp loại, thi đua khen thưởng.

c) Việc triển khai các Đề án, Chương trình, nhiệm vụ về chuyển đổi số tuân thủ nguyên tắc kế thừa và tiếp tục phát huy các kết quả, thành tựu từ hệ thống chính quyền điện tử, phù hợp với điều kiện và đặc thù từng cơ quan, đơn vị, địa phương, đảm bảo hiệu quả, thiết thực.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Tăng cường cung cấp thông tin trên Trang chuyển đổi số của tỉnh và chuyên mục chuyển đổi số của các báo, đài, cổng thông tin điện tử, các nền tảng xã hội,... nhằm kịp thời cung cấp thông tin về hoạt động chuyển đổi số.

- Thực hiện đa dạng hóa hình thức thông tin tuyên truyền như: xây dựng chuyên mục, phóng sự, hội thảo, hội nghị, các giải pháp truyền thông hiện đại để tuyên truyền rộng rãi các hoạt động ứng dụng CNTT, chuyển đổi số của tỉnh; nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

3. Tập trung triển khai một số lĩnh vực cần ưu tiên chuyển đổi số

- Ưu tiên chuyển đổi số một số lĩnh vực, bao gồm: Y tế, Giáo dục, Tài chính - Ngân hàng, Nông nghiệp, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường,....

- Triển khai các hoạt động như nghiên cứu, đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số vào triển khai chuyển đổi số như: điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo,...

4. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

- Phối hợp doanh nghiệp bưu chính công ích cung cấp dịch vụ công (thông qua mạng bưu chính công cộng, mạng xã hội, ứng dụng của doanh nghiệp); tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số;....

- Thực hiện gắn kết chặt chẽ giữa cải cách TTHC với phát triển Chính quyền số; rà soát các TTHC, quy trình nghiệp vụ trong các cơ quan nhà nước theo hướng đơn giản hóa hoặc thay đổi phù hợp để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số; rà soát loại bỏ một số TTHC, quy trình nghiệp vụ khi ứng dụng công nghệ số.

- Tăng cường phối hợp với các Trường, Doanh nghiệp trong đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nâng cao, chuyên sâu về CNTT cho CBCCVC của tỉnh.

5. Thu hút nguồn lực CNTT

- Triển khai các hoạt động, tạo môi trường nhằm thu hút, đa dạng hóa nguồn lực (tài chính và nhân lực) để chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng.

- Nghiên cứu đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức, các chuyên gia đầu ngành để giới thiệu các giải pháp công nghệ tiên tiến về chuyển đổi số trong các lĩnh vực; cũng như với các doanh nghiệp sản xuất, phân phối trang thiết bị số để hỗ trợ, ưu đãi cung cấp sản phẩm công nghệ thông tin cơ bản (máy tính, máy tính xách tay, máy tính bảng,...); khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho ứng dụng CNTT để nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng kinh phí thực hiện kế hoạch năm 2025 của tỉnh: **55.862 triệu đồng**
(Năm mươi lăm tỷ tám trăm sáu mươi hai triệu đồng)

Trong đó:

- Vốn đầu tư từ ngân sách của tỉnh: 0 đồng.
- Vốn sự nghiệp từ ngân sách của tỉnh:
 - + Đối với các sở, ban, ngành tỉnh: 46.858 triệu đồng.
 - + Đối với UBND các huyện, thị xã, thành phố: 9.004 triệu đồng.

(Đính kèm Phụ lục 3,4 - Tổng hợp hạng mục, dự án công nghệ thông tin thực hiện năm 2025)

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh

Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh, UBND tỉnh trong việc tổ chức, kiểm tra, giám sát thực hiện Kế hoạch; Chỉ đạo, đôn đốc các sở, ngành, đơn vị triển khai thực hiện Kế hoạch đúng tiến độ trên cơ sở nguồn vốn được giao; Chỉ đạo cơ quan thường trực nhiệm vụ Chuyển đổi số của Ban Chỉ đạo thực hiện tốt công tác phối hợp với các sở, ngành, đơn vị trong việc triển khai Kế hoạch.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này; chủ động hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số năm 2025 đảm bảo đồng bộ, thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh; theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp tình hình, kết quả triển khai các nhiệm vụ, chương trình, dự án của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Định kỳ tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh và UBND tỉnh về tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch này.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ban, ngành, địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện các chương trình dự án đảm bảo đúng trình tự; tránh đầu tư dàn trải, lãng phí.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, các cơ quan thông tấn báo chí triển khai công tác thông tin, tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên Cổng thông tin điện tử/Trang thông tin điện tử, Zalo, Facebook,... về chuyển đổi số.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản nhằm đẩy mạnh ứng dụng thúc đẩy phát triển Chính quyền số của tỉnh như vận hành chính thức Kho dữ liệu dung của tỉnh, Nền tảng số dành cho người dân, doanh nghiệp (Smart Vĩnh Long), vận hành chính thức Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh Vĩnh Long (IOC) và các phòng điều hành sở, ngành, cấp huyện (OC), ... và các ứng dụng khác.

- Chủ trì, phối các cơ quan, đơn vị thẩm định, duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin cho 100% hệ thống của cơ quan Nhà nước và triển khai đầy đủ phương án pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng; duy trì triển khai bảo đảm an toàn thông tin mạng theo mô hình “4 lớp”; cài đặt phần mềm phòng chống mã độc, kết nối chia sẻ dữ liệu mã độc 100% máy tính của cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, huyện, xã và kết nối giám sát an toàn thông tin mạng, đặc biệt là hệ thống thông tin cấp độ 3; triển khai các hoạt động ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng; tổ chức kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng.

- Chủ trì, phối hợp tổ chức đào tạo nguồn nhân lực chuyển đổi số, kỹ năng số, an ninh mạng; Tổ chức diễn tập an toàn thông tin năm 2025.

3. Công an tỉnh

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

- Kiểm tra, đánh giá an toàn, an ninh mạng đối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tham gia kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện kiểm tra, đánh giá ATTT mạng đối với các hệ thống thông tin theo quy định.

- Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu UBND tỉnh triển khai các hệ thống, nền tảng phục vụ giám sát an ninh trật tự, giám sát việc chấp hành các quy định về bảo đảm an toàn giao thông (phạt nguội) trên địa bàn khi Đề án chuyển đổi số tỉnh Vĩnh Long đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 được phê duyệt.

- Đẩy mạnh việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần cung cấp trên Cổng dịch vụ công Bộ Công an thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an tỉnh.

4. Văn phòng UBND tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát, theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ gồm: Cập nhật nội dung trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, của các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã; chế độ báo cáo chỉ tiêu kinh tế - xã hội trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; đôn đốc triển khai văn bản điện tử, ký số điện tử trên Hệ thống thông tin quản lý văn bản và điều hành; theo dõi, đôn đốc việc giải quyết TTHC, cung cấp các DVC trực tuyến, công bố trên cổng dịch vụ công Quốc gia; hướng

dẫn công tác số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực và tiếp tục tạo lập, lưu trữ vào Kho dữ liệu điện tử liên quan giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân.

5. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành đẩy mạnh thực hiện Chương trình cải cách hành chính gắn với đẩy mạnh ứng dụng CNTT xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số.

- Trang bị phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu về tín ngưỡng, tôn giáo.

- Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu quản lý CBCCVC, thi đua khen thưởng, số hóa hồ sơ lưu trữ lịch sử, cải cách hành chính vào kho dữ liệu dùng chung của tỉnh qua Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu của tỉnh.

6. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thúc đẩy thương mại điện tử, phát triển thương mại số, chuyển đổi số ngành Công Thương, đặc biệt là thương mại điện tử vùng nông thôn, đưa các sản phẩm nông nghiệp của bà con nông dân buôn bán, cung cấp hàng hóa trên các sàn thương mại điện tử; Thực hiện chia sẻ dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành trong phát triển kinh tế số.

7. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí kế hoạch đầu tư công để thực hiện Kế hoạch này, phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trình tự, thủ tục thực hiện các dự án sử dụng vốn đầu tư công theo Luật Đầu tư công.

8. Sở Tài chính

Phối hợp các đơn vị liên quan và căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí sự nghiệp hàng năm cho các cơ quan, đơn vị, địa phương để thực hiện nhiệm vụ hoạt động chuyển đổi số theo Kế hoạch.

9. Các sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo hoạt động chuyển đổi số thuộc phạm vi quản lý; tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch này. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và các nội dung của Kế hoạch, chủ động xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số năm 2025 của cơ quan, đơn vị, địa phương mình để tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành. Hoàn thành và báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông), **trước ngày 10/02/2025.**

Yêu cầu: Nội dung Kế hoạch của các đơn vị, địa phương phải được cụ thể hóa, chi tiết các chỉ tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ; phân công đơn vị/cá nhân chủ trì/phối hợp và xác định mốc thời gian, lộ trình thực hiện hoàn thành của từng

nhiệm vụ. Trong đó, phải đề ra các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, thiết thực, hiệu quả để ưu tiên, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ trọng tâm đã đề ra tại Kế hoạch này.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện các nhiệm vụ về Chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị, địa phương phụ trách.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông nâng cấp hạ tầng CNTT; Tích hợp, chia sẻ thông tin giữa các HTTT/CSDL của ngành với các HTTT/CSDL của tỉnh; Triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng trong cơ quan, đơn vị.

- Khi đầu tư các ứng dụng CNTT, ứng dụng chuyển đổi số phải đảm bảo thống nhất và đồng bộ, tránh trùng lắp, chồng chéo.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động bố trí chi ngân sách thường xuyên của cấp huyện để thực hiện chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số.

10. Ngân hàng nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tích cực thực hiện công tác chuyển đổi số theo định hướng phát triển của ngành; tăng cường phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai áp dụng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt, thanh toán số.

11. Các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông - CNTT trên địa bàn tỉnh

- Chủ động triển khai các nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ về phát triển hạ tầng số, kinh tế số, xã hội số của Kế hoạch này.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, chủ động thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp, phát triển hạ tầng số, nền tảng số, làm chủ công nghệ lõi, đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

12. Các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh

Tăng cường truyền thông nhằm tạo sự đồng thuận giữa chính quyền, doanh nghiệp và người dân trong thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số tỉnh.

UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã và các cơ quan liên quan nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch này, nếu có vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, giải quyết.

Định kỳ hàng quý (trước ngày 20 của tháng cuối quý), 6 tháng (trước ngày 20/6), năm (trước ngày 15/12) các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo kết quả, tiến độ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh./.